

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35VHCD1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131014300105 - Thi t k ã ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3541010087	35VHCD1	Tr ã ng Anh C ó	10/02/1995	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3541010097	35VHCD1	Phan V ã N h C ã ng	21/05/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3541010080	35VHCD1	Cao V ã N h Chuy ã n	12/09/1994	5.0	5.0	6.0	6.0							5.5	2.8	4.0	2.0	4.8	
4	3541010059	35VHCD1	Nguy ã n Ho ã ng Ch ã ng	20/09/1995	7.0	8.0	7.0	7.0							7.3	3.7	4.0	2.0	5.6	
5	3541010120	35VHCD1	Nguy ã n Th ã nh ã t	28/02/1994	6.0	9.0	8.0	8.0							7.8	3.9	9.0	4.5	8.4	
6	3541010106	35VHCD1	ñ ã nh V ã N h ã c	12/12/1989	8.0	6.0	8.0	8.0							7.5	3.8	6.0	3.0	6.8	
7	3541010001	35VHCD1	Lê Duy H o	18/08/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	3541010011	35VHCD1	H H u	01/09/1993	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	3541010136	35VHCD1	Lê Công H u	10/04/1993	8.0	9.0	9.0	8.0							8.5	4.3	5.0	2.5	6.8	
10	3541010043	35VHCD1	Lê Chí Hi u	01/01/1992	6.0	5.0	5.0	5.0							5.3	2.7	5.0	2.5	5.1	
11	3541010014	35VHCD1	ñ ã Tr ã n Kim	20/11/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	3541010076	35VHCD1	Hu ã nh Anh Khoa	22/05/1993	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	3541010081	35VHCD1	Lê Quang Kh ô i	18/10/1994	6.0	6.0	7.0	7.0							6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
14	3541010007	35VHCD1	Tr ã nh V ã N h Linh	14/02/1991	6.0	5.0	5.0	5.0							5.3	2.7	5.0	2.5	5.1	
15	3541010079	35VHCD1	Tr ã n H u Ngh	23/02/1994	7.0	3.0	8.0	8.0							6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
16	3541010038	35VHCD1	Tr ã n Qu ã Nhi ê n	19/10/1993	0.0	5.0	5.0	5.0							3.8	1.9	4.0	2.0	3.9	
17	3544010040	35VHCD1	L ² Nguy ã n D ã ng Ph ú c	04/07/1996	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3541010107	35VHCD1	L ² H u Ph c	13/06/1991	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	3541010035	35VHCD1	Lê Võ Lý Qu ã nh	13/10/1990	9.0	7.0	9.0	9.0							8.5	4.3	4.0	2.0	6.3	
20	3541010098	35VHCD1	Lê My Sa	12/08/1996	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35VHCD1 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 131014300105 - Thi t k ấ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3541010127	35VHCD1	Nguy n Ch' Tân	28/12/1993	7.0	4.0	6.0	6.0							5.8	2.9	6.0	3.0	5.9	
22	3541010104	35VHCD1	Lê Công Ti n	28/02/1992	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	3541010026	35VHCD1	Phùng Trung Tính	29/11/1990	8.0	5.0	9.0	9.0							7.8	3.9	3.0	1.5	5.4	
24	3541010022	35VHCD1	Ph m Vấ Tuân	28/02/1994	7.0	8.0	9.0	9.0							8.3	4.2	5.0	2.5	6.6	
25	3541010128	35VHCD1	L u Phan B o Thi n	23/05/1993	5.0	6.0	5.0	3.0							4.8	2.4	0.0	0.0	2.4	
26	3541010114	35VHCD1	Vô Hoàng Vi t	10/06/1988	7.0	6.0	6.0	7.0							6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
27	3541010031	35VHCD1	Ngô Thái Vinh	16/08/1996	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3541010100	35VHCD1	Nguy n C»ng VIO	16/02/1994	0.0	0.0	0.0	0.0							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
29	3541010032	35VHCD1	Hoàng Minh V ng	20/02/1992	7.0	8.0	5.0	8.0							7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	

T ng s : 29 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa